|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **KẾ HOẠCH GIÁO DỤC THÁNG 1** | | | | |
| 1. **Lĩnh vực phát triển thể chât** | | | | |
| 1. **Phát triển vận động** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| 8. Phối hợp tay - mắt trong vận động  9. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp. | Trẻ thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.  **Hô hấp:** Hít vào, thở ra (trang 54, Sách BT phát triển vận động 5-6 tuổi)  **Tay:**  -Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa  lên cao.  **Lưng, bụng, lườn:**  -Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.  **Chân:**  Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.  **Bật:**  -Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.  - Trẻ Thực hiện được các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.  - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay  -Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. | -Ném trúng bằng 1 tay - đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m)  -Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. | **TCDG:**   * Dệt vải * Cá sấu lên bờ * Ô ăn quan * Nhảy lò cò 5m.   **TCVĐ:**  Bắt cá.  Thỏ đánh trống.  Đi trên dây  Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh. |  |
| 1. **Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ** | | | | |
| 16. Trẻ có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ.  25. Trẻ sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.  39.**Chuẩn 6**. Trẻ có hiểu biết và thực hành an toàn cá nhân. | Trẻ tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.  Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giật nước cho sạch.  Trẻ tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.  Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:   * Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. * Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. * Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. * Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.   Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:   * Trẻ vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy * Trẻ ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. * Trẻ nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... * Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định. * Trẻ bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp. * Trẻ biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,....   Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh  Chỉ số 26. Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc | Trẻ biết được ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.  Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn  Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn:   * Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.Không treorèo ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo |  | **Chủ đề: Lễ hội mùa xuân.**  -Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh (những nguy cơ không an toàn thường xảy ra vào dịp tết như: pháo nổ, về quê nơi có nhiều ao hồ, bánh kẹo không rõ nguồn gốc, những khu vực du lịch vào dịp tết thường đông người và dễ lạc)  Trẻ có hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh. (duy trì những hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi ở nhà vào dịp tết) |
| 1. **Lĩnh vực phát triển nhận thức** | | | | |
| 1. **Khám phá khoa học** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| 5. Trẻ có khả năng phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau  7. Chuẩn 27: Trẻ thể hiện khả năng suy luận | -Trẻ nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...  -Trẻ phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.  -Trẻ quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.  a) Chỉ số 114. Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày;  b) Chỉ số 115. Loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại; | -Trẻ biết đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.  **-**Trẻ so sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả  -Trẻ phân loại được các loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. | -Quan sát cây xanh, hoa.  -Trẻ so sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. |  |
| **Khám phá xã hội:** | | | | |
| 15. Trẻ có một số hiểu biết về gia đình qua việc nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) khi được hỏi, trò chuyện | -Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.  -Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội (bản thân, gia đình, bạn bè, trường lớp, một số ngành nghề phổ biến và truyển thống của Quận 5, một số lễ hội (Tết Nguyên Tiêu, hội Hoa đăng Q5), một số danh lam, thắng cảnh. | Trẻ nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh. |  | **Chủ đề: Lễ hội mùa xuân.**  Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.  -Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội (Lễ hội Tết nguyên đán) |
| **Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán:** | | | | |
| 32. Chuẩn 23. Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và đo | -Trẻ biết gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.  Trẻ biết đếm các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng, | Chỉ số 105. Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm; | Trẻ biết đếm các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng, |  |
| 1. **Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ** | | | | |
| 1. **Nghe, hiểu lời nói** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| 3. Trẻ nghe hiểu lời nói để có thể nhận xét ý kiến của người đối thoại. | - Trẻ nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.  -Trẻ nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức, truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi, các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.  -Trẻ nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. | Trẻ nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. | Trẻ nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. | **Chủ đề: Lễ hội mùa xuân**  -Trẻ nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức, truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi, các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè liên quan đến ngày lễ hội mùa xuân, về tết Nguyên đán |
| 1. **Sử dụng lời nói trong cuộc sống** | | | | |
| 10. Trẻ sử dụng lời nói để miêu tả được sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái… của nhân vật.  **5.** Chuẩn 15. Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp | - Trẻ phát âm, kể rõ ràng có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.  -Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.và kể chuyện.  -Trẻ lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp phù hợp với tình huống  Chỉ số 67: Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp. | - Trẻ sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi, các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,… phù hợp với ngữ cảnh.  -Trẻ trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?  -Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. | -Trẻ khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau.  -Trẻ giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi, các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,… phù hợp với ngữ cảnh. | **Chủ đề: Lễ hội mùa xuân**  -Trẻ phát âm, kể rõ ràng có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. (Kể về những kinh nghiệm thực tế của trẻ về trãi nghiệm các hoạt động vào mùa xuân, vào dịp tết) |
| 1. **Làm quen với đọc, viết** | | | | |
| 21. Trẻ làm quen với việc đọc - viết thông qua sử dụng sách đúng cách: đọc từ trái sáng phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. | Trẻ tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình. | Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt | Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt | **Chủ đề: Lễ hội mùa xuân**  Trẻ tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.(Thực hiện làm liễng, ghi câu chúc trang trí môi trường tết mùa xuân tại lớp) |
| 1. **Lĩnh vực phát triển tình cảm - xã hội** | | | | |
| 1. **Phát triển tình cảm** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| 3. Trẻ so sánh được đặc điểm của bản thân và bạn. | -Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức  -Trẻ thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)  -Trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực, tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...), mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.  -Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.  -Trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh. | - Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.  - Trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh. | Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ cô giáo những việc vừa sức  Trẻ chủ động và độc lập trong một số hoạt động, cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.  -Trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh. | **Chủ đề: Lễ hội mùa xuân**  - Trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh. ( trẻ thể hiện cảm xúc, tình cảm khi nói về ý nghĩa ngày tết và thực tế những tình cảm trẻ cảm nhận được vào dịp tết tại gia đình mình) |
| 1. **Phát triển kĩ năng xã hội** | | | | |
| 24. Trẻ biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn.**-**-Trẻ có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ  **-30.** Chuẩn 11. Trẻ thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh.  18. Chuẩn 12. Trẻ có các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội | -Trẻ có hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.  -Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng  -Trẻ lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự, biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.  **Chỉ số 51**. Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.  -Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)  -Trẻ biết quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn, biết nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu.  **Chỉ số 52**. Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.  **Chỉ số 56.** Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường;  **Chỉ số 57**. Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày. | -Trẻ bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.  -Trẻ biết quan tâm đến môi trường, biết tiết kiệm điện, nước, không để thừa thức ăn.  -Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định, biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...) | -Trẻ thực hiện được một số quy định ở nơi công cộng: không làm ồn nơi công cộng, đi bên phải lề đường).  -Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.  -Trẻ bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.  -Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định, biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...) | **Chỉ số 51**. Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.  **Chỉ số 52**. Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.  (thảo luận, phân công nhiệm vụ trong hoạt động trang trí lớp chào đón lễ hội mùa xuân) |
| 1. **Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| 1.Trẻ có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật thông qua tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu.  7. Chuẩn 22. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình  15. Trẻ biết phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.  18. Trẻ có khả năng nhận xét được các sản phẩm tạo hinh. | -Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.  - Trẻ hận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét và bố cục.  Chỉ số 99. Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc; | -Trẻ nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc  -Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát, qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...  -Trẻ có kỹ năng nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). | -Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật. | **Chủ đề: Lễ hội mùa xuân**  -Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.  -Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát, qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ…  -Trẻ nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét và bố cục. |